| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ T**<br>**TỈNH LONG AN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 28/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2018
V/v ly hôn giữa chị D và anh M

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân*:

Bà Mai Thị Kim Hương

Ông Nguyễn Hữu Lợi

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Bé Hai - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 311/2017/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hà Thị Công D, sinh năm 1971;

Địa chỉ cư trú: Ấp 1, xã H, thành phố T, tỉnh Long An.

- *Bị đơn*: Ông Võ Văn M, sinh năm 1970;

Địa chỉ cư trú: đường N, khu phố B, Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An.

(Các đương sự đều vắng mặt)

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 7 năm 2017 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Hà Thị Công D trình bày:

Bà và ông Võ Văn M quen biết và chung sống với nhau vào năm 1988, có tổ chức cưới hỏi. Đến năm 2005, cả hai có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy đăng ký kết hôn vào ngày

17/02/2005. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó phát sinh mâu thuẫn do ông M thay đổi tính tình, không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu say về kiếm chuyện chửi bới, đánh đập bà D nhiều lần. Bà D đã nhiều lần khuyên can nhưng ông M không thay đổi, vẫn chứng nào tật ấy. Bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2010. Vợ chồng đã ly thân và không còn sống chung từ đó cho đến nay. Vợ chồng không còn qua lại hay liên lạc với nhau nữa. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M.

Về con chung: Bà và ông M có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm T, sinh ngày 21/8/1990 (đã thành niên).

Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Võ Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông M vắng mặt không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà D. Vụ án không tiến hành hòa giải được theo Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn bà Hà Thị Công D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vụ án được đưa ra xét xử theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát cho rằng:

*Về thủ tục tố tụng:* Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của các đương sự, việc xác định thẩm quyền, tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa án từ khi thụ lý và trong quá trình xét xử tại phiên tòa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

*Về nội dung:* Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của nguyên đơn có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà D và ông M là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà D và ông M đã ly thân từ năm 2010 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông M đến Tòa án để tham gia tố tụng trình bày ý kiến của mình về yêu cầu ly hôn của bà D nhưng ông M không có ý kiến, không thiết tha hàn gắn tình cảm với bà D. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa bà D và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

- Về con chung: Có 01 con chung đã thành niên nên không đề cập.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Hà Thị Công D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Văn M cư ngụ Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào Khoản 1

Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Võ Văn M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông M vẫn vắng mặt. Nguyên đơn bà Hà Thị Công D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Công D và ông Võ Văn M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, có tổ chức cưới hỏi, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 5, thành phố T, tỉnh Long An cấp Giấy đăng ký kết hôn vào ngày 17/02/2005 nên là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và bảng tường trình của nguyên đơn có căn cứ xác định: Sau khi cưới, bà D và ông M chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn do ông M đã vi phạm nghĩa vụ của người chồng, thường xuyên uống rượu say về chửi bới, ngược đãi đánh đập bà D; ông M không còn tôn trọng, quan tâm, chăm sóc bà D, không chăm lo cho gia đình; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, cả hai không còn sống chung từ năm 2010 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, ông M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà D xin ly hôn nhưng ông M không có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ với bà D. Điều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà D đối với ông M.

[5] Về con chung: bà D và ông M có 01 con chung tên Võ Thị Cẩm T, sinh năm 1990 (đã thành niên) nên không đề cập.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét đề cập.

Phát biểu của Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D là có căn cứ.

[7] Về án phí: Bà D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Hà Thị Công D đối với ông Võ Văn M.

Bà Hà Thị Công D được ly hôn với ông Võ Văn M.

2. Về con chung: Đã thành niên nên không đề cập.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

4. Về án phí: Bà Hà Thị Công D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0009475 ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- UBND Phường 5, tp T;
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS vụ án, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Diễm Hằng**